TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đậu Cao Nhu và Bà Đỗ Thị Hằng

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2018/TLST- DS ngày 04/7/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-DS và Thông báo mở lại phiên tòa số 01 ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Bá N, sinh năm 1956 – Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An

- Người được nguyên đơn ủy quyền: Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1960 - Có mặt.

Nơi cư trú: Khối A, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Bá T, sinh năm 1968 – Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã P, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông N và anh Hồ Bá T là anh em họ nội tông. Trong thời gian làm ăn anh T hỏi vay tiền thì ông N nhất trí. Khoảng tháng 2/2013 (không nhớ ngày) ông cho anh T vay số tiền 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu); hai bên không viết giấy vay tiền vì họ hàng và anh T hứa vay tạm hai ngày trả đủ.

Đến ngày 27/9/2013 anh Hồ Bá T có đến nhà ông N hỏi vay thêm tiền, ông đồng ý

cho vay số tiền 96.000.000 đồng. Anh T viết giấy vay tiền nội dung: "*Ngày 27/9/2013 cháu T vay chú Năm 96.000.000 đồng, ký người vay Hồ Bá T"*. Khi vay số tiền này anh T hứa đến cuối năm 2013 âm lịch trả đủ số tiền của cả hai lần vay. Hai bên thống nhất thỏa thuận bằng miệng chỉ tính tiền lãi suất của khoản vay 96.000.000đ với mức lãi suất là 1,1%; còn số tiền 68.000.000đ vay trước đó anh T xin không tính lãi suất. Liền sau đó ông Năm có hỏi anh T khoản vay trước đây đang nợ 68.000.000đồng không viết giấy thì thế nào? Anh T trả lời "Viết như thế nào đây chú", sau đó anh T viết vào giấy vay viết tay ngày 27/9/2013 nội dung: "Nợ cũ 68.000.000 đồng (Sáu tám triệu đồng)" và viết cùng dòng với chữ Hồ Bá T. Đến ngày 07/12/2013 anh T trả được 1.500.000đồng tiền gốc nên ông N viết luôn xuống phía dưới giấy vay do anh T viết; số tiền gốc anh T còn nợ ông Năm là 162.500.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án buộc anh T phải chịu trách nhiệm trả số tiền gốc đã vay 162.500.000đồng. Tiền lãi suất của khoản vay 96.000.000 đồng tính từ 01/10/2013 đến ngày 15/6/2018 bằng: 96.000.000 đ x 1,1,%/tháng x 56 tháng 14 ngày = 59.628.800đồng.Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/6/2018 là 222.128.800 đồng. Nếu anh T vẫn không chịu trả nợ thì ông yêu cầu tính tiền lãi đến ngày giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu về lãi suất của số tiền gốc 96.000.000đ là 59.628.800đồng; mà yêu cầu Tòa án buộc anh T phải thanh toán tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 16/6/2018 (sau ngày hết thời hạn trả nợ mà nguyên đơn thông báo trong Vi bằng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/6/2018) cho đến ngày xét xử 26/4/2019 là 10 tháng 10 ngày với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố hiện nay là 9%/năm của tổng số tiền chậm trả 162.500.000đồng.

Tiền lãi suất chậm trả bằng: 162.500.000đồng x 0,75%/tháng x 10 tháng 10 ngày = 12.593.000đ. Yêu cầu anh Hồ Bá T phải trả cho ông tổng số tiền gốc và lãi suất là 175.093.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng). Ngoài ra ông Năm không yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn anh Hồ Bá T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 70, điều 71 BLTTDS.

- Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Đối với người tham gia tố tụng khác: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 85, Điều 86 BLTTDS.

Căn cứ Điều 305, 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, 227 của BLTTDS; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Bá N đối với ông Hồ Bá T.

Buộc ông Hồ Bá T có trách nhiệm trả cho ông Hồ Bá N số tiền gốc là 162.500.000đồng và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 16/6/2018 đến ngày 26/4/2019 là 10 tháng 10 ngày. Tiền lãi suất chậm trả bằng: 162.500.000 x 0,75% x 10 tháng 10 ngày = 12.593.000đ. Tổng số tiền buộc anh Hồ Bá T phải trả cho ông Hồ Bá N là 175.093.000đồng).

Về án phí dân sự: Buộc anh Hồ Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 BLTTDS; Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu T trú tại xã Quỳnh Bảng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 35 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại điều 208 BLTTDS và tiến hành giao thông báo cho các bên đương sự. Ngày 21/9/2018 Tòa án đã tiến hành đến trực tiếp tại nhà ông Hồ Bá T để tiến hành việc giao nhận văn bản tố tụng nhưng được bà Hồ Thị B (vợ của ông T) cho biết ông T không có mặt ở nhà và từ chối nhận các văn bản tố tụng. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc từ chối nhận, ký văn bản và thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại UBND xã Q, tại nhà anh Hồ Bá T và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chứng minh nên anh T phải chịu hậu quả của việc không đưa ra chứng cứ chứng minh theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn anh Hồ Bá T vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc mở lại phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do; Do đó áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hồ Bá T.

[2] Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định:

Đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi suất theo điều khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự 2005. Do đó bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho bên vay một thời gian hợp lý. Sau khi thực hiện giao dịch vay tiền từ tháng 2/2013 đến nay anh Hồ Bá T mới thanh toán cho ông N được số tiền 1.500.000đ tiền gốc. Ông N đã nhiều lần yêu cầu đòi nợ nhưng anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Do đòi nhiều lần không được nên ông Năm yêu cầu Thừa phát lại lập vi bằng thông báo yêu cầu trả nợ đối với anh T, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/6/2018.

Do anh Hồ Bá T trốn tránh nghĩa vụ tham gia tố tụng nên ông Hồ Bá N đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết có nội dung: "*Ngày 27/9/2013 cháu T vay chú N 96.000.000 đồng, ký người vay Hồ Bá T*" với chữ viết "*Nợ cũ 68.000.000 đồng (Sáu tám triệu đồng)*" cùng trong giấy vay tiền ngày 27/9/2013 là do một người trực tiếp viết ra.

Kết luận giám định số 02/KL-PC 09 (GĐKTHSTT) ngày 26/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Nghệ An thì nội dung chữ viết "*Ngày 27/9/2013 cháu T vay chú N 96.000.000 đồng, ký người vay Hồ Bá T*" với nội dung chữ viết "*Nợ cũ 68.000.000 đồng (Sáu tám triệu đồng)*" là do cùng một người viết ra.

Như vậy, có căn cứ chứng minh ngày 27/9/2013 ông Hồ Bá N cho anh Hồ Bá T vay số tiền 96.000.000đ và anh T ghi thêm nợ cũ 68.000.000đ vào cùng giấy vay. Tổng số tiền mà anh T đang nợ ông N là 164.000.000đ nhưng ngày 07/12/2013 anh T đã trả cho ông N 1.500.000đ tiền gốc. Số tiền mà anh T còn nợ ông N là 162.500.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu tiền lãi của khoản vay 96.000.000 đồng là 59.628.800 đồng; Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về lãi suất của số tiền gốc 96.000.000đ mà yêu cầu Tòa án buộc anh T phải thanh toán tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 16/6/2018 (sau ngày hết thời hạn trả trả nợ mà nguyên đơn thông báo trong Vi bằng được lập) cho đến ngày xét xử 26/4/2019 là 10 tháng 10 ngày với mức lãi suất cơ bản của ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm này là 9%/năm = 0,75%/tháng. Như vậy, Việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu trả tiền lãi suất không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì anh T phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng công bố tương ưng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/ năm, mức lãi cơ bản mỗi tháng là 0,75%. Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn việc xác định lãi suất.

Có cơ sở buộc anh Hồ Bá T phải thanh toán tiền lãi suất chậm trả của tổng số tiền nợ gốc là 162.500.000đ (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn) từ ngày 16/6/2018 cho đến ngày xét xử 26/4/2019 là 10 tháng 10 ngày với mức lãi 0,75%/tháng. Tiền lãi suất chậm trả bằng: 162.500.000 x 075% x 10 tháng 10 ngày = 12.593.000đ.

Tổng số tiền gốc và lãi suất mà bị đơn anh Hồ Bá T phải trả cho ông Hồ Bá N là 175.093.000đồng.

[4] Về án phí: Anh Hồ Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 305, 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 147, 227 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Bá N. Buộc anh Hồ Bá T phải trả nợ cho ông Hồ Bá N tổng số tiền 175.093.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng); trong đó tiền gốc 162.500.000đồng và tiền lãi suất chậm trả 12.593.000đ.

- Về án phí: Anh Hồ Bá T phải nộp 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Năm.

Ông Hồ Bá N thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. Quỳnh Lưu;
- CCTHADS h. Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP-TA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh